

Số: 151 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy;

Xét hồ sơ và Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ngày của Liên danh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội.

Người đại diện: Ông/bà Nguyễn Bá Tiên

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH
CHỨNG NHẬN

Công trình: Khu nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư đôi Ngân hàng, phường Hồng Hải và phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long.


Địa điểm xây dựng: Đôi Ngân hàng, phường Hồng Hải và phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội.

Cơ quan thiết kế: Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật PCCC và CNCH; Trung tâm kỹ thuật hạ tầng và khảo sát, kiểm định xây dựng.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Giao thông phục vụ công tác chữa cháy; khoảng cách an toàn phòng cháy.
2. Hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler; hệ thống chữa cháy vách tường; hệ thống chữa cháy ngoài nhà).
3. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy tự động bằng khí FM200.
4. Lối thoát nạn; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.
5. Trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ; bậc chịu lửa; bố trí công năng; giải pháp ngăn cháy lan; thang máy phục vụ chữa cháy.
6. Giải pháp thoát khói sự cố; giải pháp tăng áp chống tụ khói; phương án chống sét đánh thẳng, cấp điện cho hệ thống PCCC.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2. 

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (để báo cáo);
- CA thành phố Hạ Long (để phối hợp);
- Lưu Đội 1.

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 10 năm 2022



Thượng tá Trần Huy Nghị

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM
DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
Số 154 TD-PCCC ngày 28/10/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)



TT	NỘI DUNG	Ghi chú
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	
	<p>* Dự án đầu tư xây dựng 03 tòa nhà chung cư trong đó: 02 tòa nhà 19 tầng nổi + 1 lửng + 1 tầng kỹ thuật; 01 tòa 17 tầng nổi + 1 tầng lửng + 01 tầng kỹ thuật + 01 tầng bán hầm; tổng diện tích xây dựng của 03 tòa nhà là 7.409,7m²; tổng sàn là 125.220,3m².</p> <p>* Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa CT-01: 19 tầng nổi + 1 lửng + 1 tầng kỹ thuật mái. Chiều cao tính đến sàn tầng kỹ thuật 74,8m, chiều cao PCCC khoảng 67,3m. <ul style="list-style-type: none"> + Tầng 1 cao 5,1m, diện tích khoảng 3044,3m²; bố trí công năng văn phòng, sinh hoạt cộng đồng, thương mại. + Tầng 2 cao 3m, diện tích khoảng 3044,3m²; bố trí công năng để xe. + Tầng lửng cao 2,8m, diện tích khoảng 2435,4m²; bố trí công năng để xe. + Tầng 3, cao 5,4 m²; diện tích khoảng 3044,3m²; bố trí nhà trẻ. + Từ tầng 4 đến tầng 19: bố trí căn hộ chung cư: diện tích mỗi tầng khoảng 2478,5m². + Tầng kỹ thuật mái: tum thang, hệ thống kỹ thuật. + Khối tích khoảng: 87.568m³. - Tòa CT2: 19 tầng nổi + 1 lửng + 1 tầng kỹ thuật mái. Chiều cao tính đến sàn tầng kỹ thuật 74,8m, chiều cao PCCC khoảng 65,3m. <ul style="list-style-type: none"> + Tầng 1: cao 5,1m; diện tích khoảng 2390,3m²; bố trí công năng: Thương mại dịch vụ, văn phòng. + Tầng 2: cao 3m; diện tích khoảng 2390,3m²; bố trí công năng: để xe. + Tầng lửng: cao 3,9 m; diện tích khoảng 1912,2m²; bố trí công năng: + Tầng từ tầng 3 đến tầng 19: diện tích mỗi tầng khoảng 2187,8m²; bố trí căn hộ chung cư. + Khối tích khoảng 63994,8m³. - Tòa CT3: 17 tầng nổi + 1 lửng + 1 tầng kỹ thuật mái + 01 bán hầm. Chiều cao tính đến sàn tầng kỹ thuật 67,2m, chiều cao PCCC khoảng 59,7m. <ul style="list-style-type: none"> + Tầng bán hầm: cao 4,1m; diện tích khoảng 2695m²; bố trí công năng để xe; + Tầng 1: cao 3m; diện tích khoảng 1828m²; bố trí công năng: Thương mại dịch vụ, văn phòng; để xe ô tô. + Tầng lửng cao 3,3m; diện tích khoảng 1130,7m²; bố trí công năng để xe. + Tầng 2: cao 3m; diện tích khoảng 1828m²; bố trí công năng: dịch vụ thương mại. + Tầng 3: cao 5,4 m; diện tích khoảng 1827,8m²; bố trí công năng: dịch vụ thương mại. + Tầng từ tầng 4 đến tầng 17: diện tích mỗi tầng khoảng 1379,3m²; bố trí căn hộ chung cư. + Khối tích khoảng 45888,12m³. 	



II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ
	<p>* Mặt bằng giao thông: GT-01; GT-M10-01; GT-M10-02; GT-02; TM-TMB; TNT-TMB; CN-TMB; CD-01; CD-02; MBT.00.</p> <p>* Bản vẽ kiến trúc, kết cấu, điện:</p> <p>- Toà CT 01:</p> <p>+ Kiến trúc: CT1.TT-01; CT.TT-012; CT1.I-01 đến 18; CT1.II-01 đến 09; TMPC-01; TMPC-02; CT1.III-01 đến 24; CT1.VIII-01; CT1.VIII-02; CT1.X-01; PT-01;</p> <p>+ Kết cấu: KC.00.01 đến 05; KC.02.01 đến 04; KC03.01 đến KC03.08; KC.04.01 đến 08; KC.05.01; KC.01; KC.04.1; KC.05.</p> <p>+ Điện: CTN.TMC-01; CTN.SDNL-01; CTN.BNN-01; SDNL-01 đến 04; ĐC-SĐ-01; ĐC-MB01 đến 03; ĐC-TK01; ĐC-SĐ01; ĐC-SD02; ĐC-MB01; ĐC-MB02; ĐC-CT01; ĐC-CT02.</p> <p>- Toà CT 02:</p> <p>+ Kiến trúc: CT2.TT-01; CT2.II-02; CT2.I-01 đến 13; CT2.II-1; CT2.I-2; CT2.I-5; CT2.I-7; CT2.I-7; CT2.I-3; CT2.II-9; CT2.I-4; CT2.II-10; TMPC-01; TMPC-02; CT2.IV-1; CT2.V-01 đến 17; PT-01;</p> <p>+ Kết cấu: KC.00.01 đến 05; KC.02.01 đến 04; KC03.01 đến 08; KC.04.01 đến 09; KC.02; KC.2.1; KC.05;</p> <p>+ Điện: CTN.TMC-01; CTN.SNL-01; CTN.BNN-091; SDNL-01; CSND-01 đến 04; ĐC-SĐ-01; ĐC-MB-01 đến 03; ĐC-TK.01; ĐC.SĐ-01; ĐC-SĐ.02; ĐC-MB-01; ĐC-MB-02; ĐC-CT.01; ĐC-CT-02</p> <p>- Toà CT03:</p> <p>+ Kiến trúc: CT3.TT-01; CT3.TT-02; CT3.I-01 đến 16; CT3.II-01 đến 08; TMPC-01; CT3.II-08; CT3.III-01 đến 22; CT3.IV-; PT-03.</p> <p>+ Kết cấu: KC.00.01 đến 05; KC.02.01 đến 03; KC.03.01 đến 07; KC.04.01 đến 09; KC.05;</p> <p>- Điện: CTN.SNL-01; CTN.BNN-01; SDNL-01; CSND-01 đến 04; ĐC-SĐ-01; ĐC-MB-01 đến 03; ĐC-CT03; ĐC-TK-01; ĐC-SĐ-01; ĐC-MB-01; ĐC-CT01; ĐC-CT-02</p> <p>* Bản vẽ thiết kế hệ thống PCCC:</p> <p>- Toà CT1: DM; KH; MBTT; SDNL-BC; BC01 đến 12; FA-CTLĐ; SĐNL-CC; CC-01 đến 12; CTLĐ-CC1 đến 4; SĐNL-EX; EX-01 đến 12; CTLĐ-EX; SĐNL-HK; SĐNL-TA; TAHK-01 đến 12; CTLĐ-TAHK1; CTLĐ-TAHK-2; FM200-00 đến 03</p> <p>- Toà CT2: DM; KH-TMC; MBTT; SĐNL-BC; BC-01 đến 06; CTLĐ-BC; SĐNL-CC; CC-01 đến 07; CTLĐ-CC1 đến CC4; SĐNL-EX; EX-01 đến 06; CTLĐ-EX; SĐNL-HK; SĐNL-TA; TAHK-01 đến 07; CTLĐ-TAHK-01; CTLĐ-TAHK-02; FM200-00 đến 04.</p> <p>- Toà CT3: DM; KH-TMC; MBTT; SĐNL-BC; BC-01 đến 10; CTLĐ-BC; SĐNL-CC; CC-01 đến 10; CTLĐ-CC1 đến CC4; SĐNL-EX; EX-01 đến 09; CTLĐ-EX; SĐNL-HK; SĐNL-TA; TAHK-01 đến 10; CTLĐ-TAHK-01; CTLĐ-TAHK-02; FM200-00 đến 03</p>

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.